

Số: /QĐ-UBND

Khánh Hoà, ngày tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án cắt giảm thời gian giải quyết một số thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HOÀ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 09/04/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15/9/2025 của Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về chương trình cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026;

Căn cứ Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 05/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa các quy định, thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 293/TTr-SNNMT ngày 24 tháng 4 năm 2026;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt phương án cắt giảm thời gian giải quyết một số thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa (*đính kèm Phương án*).

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường trong phạm vi thẩm quyền có trách nhiệm:

1. Triển khai thực hiện theo đúng nội dung và thời hạn quy định tại Phương án cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua tại Điều 1 của Quyết định này.

2. Theo dõi, đôn đốc, tổng hợp khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện để kịp thời báo cáo, tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm soát TTHC-Bộ Tư pháp;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm CB và Công TTĐT tỉnh;
- TTPVHCC tỉnh: LĐ, các Phòng;
- Lưu: VT, NTL.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thanh Hà

PHƯƠNG ÁN

Cắt giảm thời gian giải quyết một số thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 5 năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố TTHC của tỉnh	Thời gian giải quyết TTHC theo quy định (ngày/ngày làm việc)	Thời gian cắt giảm (ngày/ngày làm việc)	Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm (ngày/ngày làm việc)	Tỷ lệ thời gian cắt giảm (%)
I	LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN						
1	1.003111	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	1328/QĐ-UBND ngày 26/9/2025	35	7	28	20
2	1.003082	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025: 2007 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025: 2005	1328/QĐ-UBND ngày 26/9/2025	30	6	24	20
3	1.003058	Gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	1328/QĐ-UBND ngày 26/9/2025	35	7	28	20

4	2.001254	Thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm phục vụ quản lý nhà nước	1328/QĐ-UBND ngày 26/9/2025	35	7	28	20
II LĨNH VỰC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y							
1	1.002549	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng được phẩm, vắc xin)	812/QĐ-UBND ngày 12/3/2026	8	1	7	13
2	1.014777	Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng được phẩm, vắc-xin)	812/QĐ-UBND ngày 12/3/2026	8	1	7	13
3	1.002432	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng được phẩm, vắc- xin) trong trường hợp bị sai sót, thay đổi thông tin có	812/QĐ-UBND ngày 12/3/2026	5	0,5	4,5	10
4	1.013813	Sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng được phẩm, vắc xin)	812/QĐ-UBND ngày 12/3/2026	8	1	7	13
5	1.013811	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng được	812/QĐ-UBND ngày 12/3/2026	5	0,5	4,5	10

		phẩm, vắc-xin)					
6	1.002409	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y	812/QĐ-UBND ngày 12/3/2026	8	1	7	13
7	1.014778	Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y	812/QĐ-UBND ngày 12/3/2026	8	1	7	13
8	1.002373	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y trong trường hợp bị sai sót, thay đổi thông tin liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký	812/QĐ-UBND ngày 12/3/2026	5	0,5	4,5	10
III	LĨNH VỰC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN						
1	1.013863	Phê duyệt kế hoạch tác động vào thời tiết trong địa giới hành chính của tỉnh	1878/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	19	5	14	26
2	1.000970	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn (cấp tỉnh)	1878/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	17	5	12	29
IV	LĨNH VỰC KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN						
1	1.003727	Công nhận làng nghề truyền thống	1878/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	30	5	25	17
2	1.003712	Công nhận nghề truyền thống	1878/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	30	5	25	17
3	1.003397	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp tỉnh)	1878/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	25	5	20	20
V	LĨNH VỰC QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI						

1	1.013992	Đăng ký biến động chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	1229/QĐ-UBND ngày 17/9/2025	7	2	5	29
2	1.013947	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp	1878/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	7	2	5	29
3	1.013833	Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc thay đổi số hiệu hoặc địa chỉ của thửa đất; thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên	1878/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	5	1	4	20
4	1.012791	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	1878/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	25	5	20	20
5	1.012784	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.	1878/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	12	2	10	17
6	1.012790	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp.	1878/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	8	2	6	25

7	1.012756	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý.	1878/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	17	2	15	12
VI	LĨNH VỰC QUẢN LÝ ĐÊ ĐIỀU VÀ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI						
1	1.014846	Phê duyệt Văn kiện, điều chỉnh Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ (cấp tỉnh)	775/QĐ-UBND ngày 10/3/2026	20	7	13	35
VII	LĨNH VỰC QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN NƯỚC						
1	1.004232	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000m ³ /ngày đêm.	696/QĐ-UBND ngày 04/3/2026	30	5	25	17
2	1.004228	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m ³ /ngày đêm.	696/QĐ-UBND ngày 04/3/2026	24	3	21	13
3	1.004223	Cấp giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m ³ /ngày đêm.	696/QĐ-UBND ngày 04/3/2026	30	5	25	17

4	1.004211	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m ³ /ngày đêm.	696/QĐ-UBND ngày 04/3/2026	24	3	21	13
5	1.004179	Cấp giấy phép khai thác nước mặt, nước biển (đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 2 Nghị định số 23/2026/NĐ-CP).	696/QĐ-UBND ngày 04/3/2026	30	5	25	17
6	1.004167	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước mặt, nước biển.	696/QĐ-UBND ngày 04/3/2026	24	3	21	13
7	1.000824	Cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước.	696/QĐ-UBND ngày 04/3/2026	11	2	9	18
8	1.011518	Trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước.	696/QĐ-UBND ngày 04/3/2026	11	2	9	18
9	1.012500	Tạm dừng hiệu lực giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước.	696/QĐ-UBND ngày 04/3/2026	11	2	9	18
10	1.004122	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất.	696/QĐ-UBND ngày 04/3/2026	13	2	11	15

11	2.001770	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành.	696/QĐ-UBND ngày 04/3/2026	30	5	25	17
12	1.004283	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.	696/QĐ-UBND ngày 04/3/2026	24	3	21	13
13	1.012503	Lấy ý kiến về phương án bổ sung nhân tạo nước dưới đất.	696/QĐ-UBND ngày 04/3/2026	12	2	10	17
14	1.012504	Lấy ý kiến về kết quả vận hành thử nghiệm bổ sung nhân tạo nước dưới đất.	696/QĐ-UBND ngày 04/3/2026	12	2	10	17
15	2.001850	Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước của hồ chứa thủy điện.	696/QĐ-UBND ngày 04/3/2026	29	9	20	31
16	1.013799	Lấy ý kiến về tác động của công trình khai thác nước.	696/QĐ-UBND ngày 04/3/2026	26	5	21	19
VIII	LĨNH VỰC THỦY LỢI						
1	1.014847	Phê duyệt phương án bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	728/QĐ-UBND ngày 06/3/2026	22	4	18	18
2	1.004427	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công	728/QĐ-UBND ngày 06/3/2026	15	3	12	20

		trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh					
3	2.001796	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	728/QĐ-UBND ngày 06/3/2027	10	2	8	20
4	2.001426	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	728/QĐ-UBND ngày 06/3/2026	10	2	8	20
5	2.001795	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	728/QĐ-UBND ngày 06/3/2026	10	2	8	20
6	2.001791	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND	728/QĐ-UBND ngày 06/3/2026	10	2	8	20

		cấp tỉnh					
7	1.003867	Thẩm định quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phê duyệt	728/QĐ-UBND ngày 06/3/2027	20	5	15	25
8	2.001804	Phê duyệt phương án, cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phê duyệt	728/QĐ-UBND ngày 06/3/2026	18	3	15	17
9	1.003232	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	728/QĐ-UBND ngày 06/3/2027	30	7	23	23
10	1.003221	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	728/QĐ-UBND ngày 06/3/2027	15	3	12	20
11	1.003211	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	728/QĐ-UBND ngày 06/3/2026	20	5	15	25
12	1.003203	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	728/QĐ-UBND ngày 06/3/2026	20	5	15	25

IX LĨNH VỰC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGƯ							
1	1.004921	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ 02 xã trở lên) - Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao; phạm vi quyền được giao; phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản: trong thời hạn	405/QĐ-UBND ngày 31/01/2026	33	5	28	15
X LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT							
1	1.007926	Cấp Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm phân bón	650/QĐ-UBND ngày 26/02/2026	20	2	18	10
2	1.004363	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	650/QĐ-UBND ngày 26/02/2026	16	2	14	13
3	1.004346	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	650/QĐ-UBND ngày 26/02/2026	16	2	14	13
4	1.012063	Ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng	650/QĐ-UBND ngày 26/02/2026	18	2	16	11
5	1.012062	Cấp giấy chứng nhận kiểm tra nghiệp vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng	650/QĐ-UBND ngày 26/02/2026	13	2	11	15

6	1.012004	Cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng	559/QĐ-UBND ngày 12/02/2026	10	2	8	20
7	1.012003	Cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng	559/QĐ-UBND ngày 12/02/2026	15	2	13	13
8	1.012002	Cấp lại Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng	559/QĐ-UBND ngày 12/02/2026	10	2	8	20
9	1.012001	Cấp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng	559/QĐ-UBND ngày 12/02/2026	15	2	13	13
10	1.012000	Thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	559/QĐ-UBND ngày 12/02/2026	30	17	13	57
11	1.011999	Thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	559/QĐ-UBND ngày 12/02/2026	30	17	13	57
12	1.011998	Đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ giám định quyền đối với giống cây trồng	650/QĐ-UBND ngày 26/02/2026	10	2	8	20
13	1.010090	Công nhận các tiêu chuẩn Thực hành nông nghiệp tốt khác (GAP khác) cho áp dụng để được hưởng chính sách hỗ trợ trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	1878/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	20	2	18	10

14	1.007998	Cấp, cấp lại Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm giống cây trồng	650/QĐ-UBND ngày 26/02/2026	20	2	18	10
15	1.007994	Cấp phép xuất khẩu giống cây trồng và hạt lai của giống cây trồng chưa được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành và không thuộc Danh mục nguồn gen giống cây trồng cấm xuất khẩu phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triển lãm, trao đổi quốc tế không vì mục đích thương mại	650/QĐ-UBND ngày 26/02/2026	10	1	9	10
16	2.001427	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật	650/QĐ-UBND ngày 26/02/2026	25	3	22	12
17	1.002560	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật	650/QĐ-UBND ngày 26/02/2026	25	3	22	12